UBND TỈNH THÁI NGUYÊN **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 563/SYT- KHTC V/v báo cáo thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP năm 2024	*Thái Nguyên, ngày 14 tháng 02 năm 2025*

Kính gửi: Sở Tài chính Thái Nguyên.

Thực hiện Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 7 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;

Sở Y tế Thái Nguyên báo cáo tình hình thực hiện các Nghị định: số 130/2005/NĐ-CP; số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 130/2005/NĐ-CP trong năm 2024 như sau:

A/ Đánh giá Nghị định 130/2005/NĐ - CP:

1. Đánh giá chung:

- Năm 2024, Sở Y tế Thái Nguyên có 02 đơn vị QLNN là Văn phòng Sở Y tế, Chi cục Dân số - KHHGĐ thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho UBND tỉnh về chiến lược chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên địa bàn đạt hiệu quả cao, thời gian xử lý giải quyết công việc đảm bảo theo quy định.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc: Là các đơn vị thuộc khối QLNN nên cơ sở vật chất và điều kiện làm việc về cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ chuyên môn.

- Quy trình xử lý công việc: Từng bước cải cách thủ tục hành chính trong giải quyết công việc nhanh, gọn, khoa học.

- Về tư tưởng cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan: luôn có lập trường tư tưởng ổn định, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao, thực hiện tốt các quy định trong quản lý và chi tiêu tài chính nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí.

Cả 2 đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng định mức, tiêu chuẩn quy định.

2. Đánh giá cụ thể:

2.1 Về số lượng đơn vị thực hiện đơn vị tự chủ: 2/2 đơn vị

2.2 Về kinh phí:

Tổng số kinh phí quản lý hành chính được giao: 11.463 triệu đồng, trong đó:

* Kinh phí thực hiện tự chủ: 9.027 triệu đồng

- Số kinh phí thực hiện: 8.940 triệu đồng

- Số kinh phí tiết kiệm (5%): 87 triệu đồng

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí:2/2 đơn vị

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: 10,78 %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ: 2.436 triệu đồng (bao gồm cả kinh phí tiết kiệm 5%: 150 triệu đồng)

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù đã giao: Các đơn vị đã thực hiện đúng theo quy định.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính: Các đơn vị thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

* Kinh phí tiết kiệm được: 963 triệu đồng

- Chi hoạt động khen thưởng, phúc lợi: 592 triệu đồng;

- Chi thu nhập tăng thêm: 186 triệu đồng;

- Chuyển nguồn sang năm: 185 triệu đồng.

3. Các biện pháp thực hành tiết kiệm :

- Tăng cường hiệu quả làm việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả, tài sản công, trang thiết bị phục vụ chuyên môn.

4. Khó khăn và tồn tại :

Do đặc thù của Ngành là quản lý theo ngành (quản lý đến các trạm y tế xã phường, thị trấn). Ngoài việc kiểm tra, giám sát các đơn vị sự nghiệp y tế công lập trong ngành thì Sở Y tế còn phải kiểm tra, thanh tra hoạt động y tế của các cơ sở y tế ngoài công lập (như y tế công, nông, trường, xí nghiệp, bệnh viện, phòng khám tư nhân, các sở kinh doanh dược tư nhân..) nên các hoạt động chi kiểm tra, giám sát, (văn bản chỉ đạo, giấy, mực, cước phí internet),… mặc dù đã được cấp kinh phí hoạt động ngành ngoài định mức, song nguồn kinh phí cho hoạt động tổng hợp ngành còn hạn hẹp.

5. Kiến nghị:

- Đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết:

+ Việc khoán chi quỹ tiền lương cho các phòng ban theo vị trí việc làm.

+ Việc khoán chi kinh phí trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh khoán vào chi hành chính.

- Đề nghị Bộ Tài chính quy định rộng hơn một số nội dung chi khi đã khoán kinh phí thấp hơn hoặc bằng định mức được nhà nước ban hành thì không cần chứng từ hợp pháp mà chỉ cần bảng kê chứng từ thanh toán (hiện nay chỉ có ba nội dung chi: Điện thoại khoán theo chế độ, tiêu chuẩn của lãnh đạo, văn phòng phẩm khoán, công tác phí khoán cho CBCC) là không cần chứng từ gốc hợp pháp, còn lại các nội dung chi khác đã được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ khi chi tiêu đều phải có chứng từ hợp pháp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT; KHTC. (Huyen)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Đặng Ngọc Huy

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN

Phụ lục số 01

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 563/SYT - KHTC ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

TT	Tên đơn vị	Biên chế (người)			Kinh phí thực hiện tự chủ (triệu đồng)			Nguồn thu phí và lệ phí được để lại theo chế độ (triệu đồng)			Kinh phí không thực hiện tự chủ (triệu đồng)	Phân phối sử dụng KP tiết kiệm được					Thu nhập tăng thêm (1,000 đ)		
		biên chế được giao	biên chế có mặt	Biên chế tiết kiệm được	KP được giao	KP thực hiện	KP tiết kiệm	KP được giao	KP thực hiện	KP tiết kiệm		Dưới 0,1 lần	Từ 0,1 đến 0,2	Từ 0,2 đến 0,3	Từ 0,3 đến 0,4	Trên 0,4 lần	Thu nhập tăng thêm bình quân (người/ tháng)	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất/ tháng	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất/ tháng
A	B	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1	Văn phòng Sở Y tế	38	37	1	6 577	5 942	635	1 038	743	295	1 968								
2	Chi cục Dân số	12	11	1	2 363	2 035	328				317	186					1 411	1 411	1 411
	CỘNG	**50**	**48**	**2**	**8 940**	**7 977**	**963**	**1 038**	**743**	**295**	**2 286**	**186**							

Phụ lục số 02

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 563/SYT - KHTC ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

TT	Nội dung	Số lượng, số tiền	Ghi chú
I	**TÌNH HÌNH GIAO TỰ CHỦ CHO CÁC ĐƠN VỊ**		
	Cơ quan cấp tỉnh		
	Số lượng các đơn vị trực thuộc	2	
	Số đơn vị giao tự chủ	2	
	Số đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ	2	
II	**BIÊN CHẾ**		
	Cơ quan cấp tỉnh		
	Biên chế được giao	50	
	Biên chế có mặt	48	
	Số đơn vị tiết kiệm được biên chế	2	
III	**TỔNG KINH PHÍ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Tỷ đồng)**		
1	**Cơ quan cấp tỉnh**		
1.1	***Kinh phí quản lý hành chính thực hiện tự chủ***		
a	*Kinh phí được giao thực hiện tự chủ*	*10,490*	
	Nguồn ngân sách nhà nước	8,940	
	Nguồn thu phí được để lại theo chế độ quy định	1,550	
b	*Kinh phí thực hiện*	*8,720*	
	Nguồn ngân sách nhà nước	7,977	
	Nguồn thu phí được để lại theo chế độ quy định	0,743	
c	*Số kinh phí tiết kiệm được*	*0,963*	
	Tiết kiệm quỹ lương	0,271	
	Tiết kiệm các khoản chi khác	0,692	
1.2	***Kinh phí không thực hiện tự chủ***	***2,286***	
IV	**PHÂN PHỐI KINH PHÍ TIẾT KiỆM**		
1	**Số đơn vị tiết kiệm được kinh phí**	**2**	
	Cấp tỉnh	2	
2	**Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao thực hiện tự chủ**	**10,78%**	
	Cấp tỉnh	10,78%	

TT	Nội dung	Số lượng, số tiền	Ghi chú
3	**Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao tự chủ cao nhất**		
	Cấp tỉnh		
	Chi cục Dân số	13,88%	
4	**Trích quỹ và các khoản chi khác (Triệu đồng)**		
	Cấp tỉnh		
	Chi thu nhập tăng thêm	186,200	
	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn	592,212	
	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập		
5	**Kết quả phân phối thu nhập tăng thêm**		
	Cấp tỉnh		
	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần	1	
	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,1 - 0,2 lần		
	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,2 - 0,3 lần		
	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,3 - 0,4 lần		
	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập trên 0,4 lần		
	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là: triệu đồng/tháng	1,41	
	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là: triệu đồng/tháng	1,41	
6	**Mức chi thu nhập tăng thêm từng cấp**		
	Cấp tỉnh		
	Mức chi thu nhập bình quân (triệu đồng/ tháng)	0,00	
	Mức chi thu nhập bình quân cao nhất (triệu đồng/ tháng)	0,00	
	Mức chi thu nhập bình quân thấp nhất (triệu đồng/ tháng)	0,00	

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 563/SYT - KHTC ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Tên đơn vị	Về biên chế							Kinh phí quản lý hành chính được giao						Phân phối sử dụng KP tiết kiệm được (1.000 đ)							
		Tình hình biên chế - quỹ lương				Phân tích nguyên nhân giảm					Số kinh phí tiết kiệm được (1.000 đ)											
		Tổng số biên chế được giao	Số biên chế có mặt	Số biên chế tiết kiệm được	Quỹ tiền lương năm (1.000đ)	Về hưu trí theo chế độ	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức	Nguyên nhân khác	Kinh phí thực hiện tự chủ	Số kinh phí	Tiết kiệm chi quỹ lương	Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương)	Tỷ lệ KP tiết kiệm so với KP được giao (%)	Kinh phí không thực hiện tự chủ	Thu nhập tăng thêm	Hệ số tăng thu nhập (lần)	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất/ tháng	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất/ tháng	Thu nhập tăng thêm bình quân/ tháng	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Chi khen thưởng, phúc lợi	KP chưa sử dụng chuyển kỳ sau
A	B	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	8	9	*10*	*11*	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Văn phòng Sở Y tế	38	37	1	5 875 000			1	6 577 000	5 941 619	168 922	466 459	9,7	1 968 472		0,					450 412	184 969
2	Chi cục Dân số	12	11	1	1 921 000				2 363 000	2 035 000	102 500	225 500	13,9	317 400	186 200	0,097	1 411	1 411	1 411		141 800	
	Tổng cộng	**50**	**48**	**2**	**7 796 000**	**0**	**0**	**1**	**8 940 000**	**7 976 619**	**271 422**	**691 959**	**10,78**	**2 285 872**	**186 200**		**1 411**	**1 411**	**323**		**592 212**	**184 969**

QUYẾT TOÁN THU PHÍ NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH 2024 CỦA ĐƠN VỊ QLNN CÓ THU

(Kèm theo Công văn số 563/SYT - KHTC ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Sở Y tế Thái Nguyên)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Đơn vị	Số thu năm trước chưa xử lý chuyển sang (nếu có)	Số thu phí năm 2024				Số chi từ nguồn thu phí năm 2024				Số thu đã nộp NSNN	Trích lập quỹ dự phòng ổn định thu nhập	Số thu chưa xử lý chuyển năm sau (nguồn CCTL)
			Tổng số	*Phí để lại đơn vị*	*Thu khác*	*Nộp NSNN*	***Tổng số***	*Chi cải cách tiền lương*	*Chi tăng thu nhập*	*Chi thực hiện các nhiệm vụ*			
1	Văn phòng Sở Y tế		**1.550.038**	1.038.158		511.880	**743.228**	282.193		461.035	**511.880**		**294.930**
	Cộng	**0**	**1.550.038**	**1.038.158**	**0**	**511.880**	**743.228**	**282.193**	**0**	**461.035**	**511.880**	**0**	**294.930**